

Bản án số: 205/2025/DS-ST
Ngày 29-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Bà Ngô Hồng Dường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần KL (gọi tắt là ngân hàng); địa chỉ trụ sở: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, Phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung V - Giám đốc Văn phòng đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại: Ông Trương Dư T – Chuyên viên xử lý nợ khu vực – phòng xử lý nợ (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Chị Tạ Kiều D, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp LV, xã QP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Ấp LV, xã QP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Tạ Chí Đại; địa chỉ: Ấp LV, xã QP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Chị Lương Thị Quy; địa chỉ: Ấp LV, xã QP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Anh Tạ Thanh Triều; địa chỉ: Ấp LV, xã QP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
5. Chị Huỳnh Thị Mai; địa chỉ: Ấp LV, xã QP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trương Dư T trình bày:

Ngày 14/01/2021, Ngân hàng thương mại cổ phần KL – chi nhánh CM ký hợp đồng cho chị Tạ Kiều D vay vốn theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng, đến ngày 13/12/2021 hai bên ký hợp đồng hạn mức sửa đổi, bổ sung, đến ngày 22/02/2024 hai bên ký kết hợp đồng tín dụng từng lần cho chị D vay 345.000.000đ, mục đích vay nuôi trồng thủy sản, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 7,6%/năm cố định 03 tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm, hình thức thanh toán trả lãi theo quý, trả gốc cuối kỳ. Sau khi vay, chị D trả được 200.000.000đ tiền vốn, còn nợ lại 145.000.000đ.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu chị D trả số tiền tạm tính đến ngày 10/3/2025 là 146.108.356đ, lãi suất phát sinh từ ngày 11/3/2025 đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp chị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là phần đất diện tích 21.573,2m² thuộc các thửa 181, 194 tờ bản đồ số 07 tọa lạc ấp LV, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (nay thuộc ấp LV, xã QP, tỉnh Cà Mau) và các tài sản trên đất để thu hồi nợ theo quy định.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Ngân hàng yêu cầu chị D trả số tiền vốn 59.000.000đ tính đến ngày 29/9/2025 và lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp chị D không trả hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là phần đất diện tích 21.573,2m² thuộc các thửa 181, 194 tờ bản đồ số 07 tọa lạc ấp LV, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (nay thuộc ấp LV, xã QP, tỉnh Cà Mau) và các tài sản trên đất để thu hồi nợ theo quy định.

Tại phiên Tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau phát biểu quan điểm:
Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc chị D trả cho Ngân hàng số tiền 59.000.000đ. Kể từ ngày 30/9/2025, chị Diễm phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp, chị D không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau xử lý phần đất thế chấp và tài sản trên đất. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí: Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Tạ Kiều D, bà Nguyễn Thị B, anh Tạ Chí Đ, chị Lương Thị Q, anh Tạ Thanh T và chị Huỳnh Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng đương sự vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Tạ Kiều D, bà Nguyễn Thị B, anh Tạ Chí Đ, chị Lương Thị Q, anh Tạ Thanh T và chị Huỳnh Thị M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu trả số tiền nợ vay, thấy rằng: Theo lời trình bày của phía nguyên đơn, Hợp đồng tín dụng từng lần số 075/24/HĐTD, Giấy đề nghị vay vốn và Giấy đề nghị giải ngân cùng ngày 22/02/2024, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 22/02/2024, chị D đã vay Ngân hàng 345.000.000đ, mục đích vay nuôi trồng thủy sản, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 7,6%/năm cố định 03 tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm, hình thức thanh toán trả lãi theo quý, trả gốc cuối kỳ. Do chị D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng nên tại đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu chị D trả số tiền nợ 146.108.356đ. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, chị D đã trả một phần vốn và lãi. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt phía Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 59.000.000đ. Đối với chị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị D còn nợ Ngân hàng 59.000.000đ nên cần chấp nhận.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 30/9/2025 cho đến khi chị D hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp. Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu xử lý phần đất thế chấp, thấy rằng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 14/01/2021 thể hiện chị D đã thế chấp phần đất diện tích 21.573,2m² thuộc các thửa 181, 194 tờ bản đồ số 07 tọa lạc ấp LV, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (nay thuộc ấp LV, xã QP, tỉnh Cà Mau) và các tài sản trên đất. Việc hai bên xác lập hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và hợp đồng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm, phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu xử lý phần đất thế chấp và tài sản trên đất nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng không phải chịu, đã nộp 800.000đ được nhận lại. Chị D phải chịu 800.000đ nên buộc chị D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền trên.

[6] Về án phí dân sự: Ngân hàng không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí 3.653.000đ được nhận lại. Chị D phải chịu 59.000.000đ x 5% = 2.950.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 325 và Điều 326 của Bộ luật Dân sự; Điều 90, Điều 91 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KL.

Buộc chị Tạ Kiều D trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền 59.000.000đ (năm mươi chín triệu đồng).

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi mà chị Tạ Kiều D phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/9/2025 thì kể từ ngày 30/9/2025 chị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà chị D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trong trường hợp chị Tạ Kiều D không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần KL có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phần đất thế chấp và tài sản trên đất phần đất diện tích diện tích 21.573,2m² thuộc các thửa 181, 194 tờ bản đồ số 07 tọa lạc ấp LV, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (nay thuộc ấp LV, xã QP, tỉnh Cà Mau) để thanh toán cho số tiền nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chị Tạ Kiều D phải chịu 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Buộc chị Tạ Kiều D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần KL không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.653.000đ (ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002912 ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại. Chị Tạ Kiều D phải chịu 2.950.000đ (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng